

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2018/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quản lý, xác định chi phí
dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT- BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Đắk Lắk tại Tờ trình số 129/TTr-SXD ngày 17/7/2018 và Báo cáo số 551/BC-SXD ngày 10/9/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Phân cấp cho Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị sử dụng nguồn vốn ngân sách do cấp mình quản lý.

2. Giao Sở Xây dựng tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị, trừ dự toán chi phí dịch vụ công ích tại Khoản 1 Điều 1 của Quyết định này.

Điều 2. Quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích đô thị được xác định bằng tỷ lệ % so với chi phí nhân công trực tiếp cho các loại dịch vụ công ích như sau:

Đơn vị tính: %

TT	Loại dịch vụ công ích	Loại đô thị		
		I	II	III, IV, V
1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị. Nạo vét duy trì hệ thống thoát nước đô thị.	53	50	48

2	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; Quản lý, sửa chữa duy trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông đô thị.	50	48	45
3	Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị; Duy trì, quản lý công viên, quản lý cây xanh nghĩa trang, quản lý lâm viên cảnh, quản lý vườn thú.	48	47	45

* Trường hợp khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công lớn hơn 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính bằng 2,5% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

2. Lợi nhuận định mức được tính tỷ lệ bằng 4,5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

Điều 3. Quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Về lập định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng định mức dự toán đối với các công tác dịch vụ công ích đô thị của địa phương chưa có trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố, trình UBND tỉnh công bố sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Về công bố các Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ các Bộ định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị, phương pháp xây dựng đơn giá dịch vụ công ích đô thị do Bộ Xây dựng công bố, hướng dẫn, tổ chức thực hiện xây dựng và công bố để các tổ chức, cá nhân tham khảo trong việc xác định, điều chỉnh dự toán dịch vụ công ích đô thị, dự toán gói thầu dịch vụ công ích đô thị, giá hợp đồng dịch vụ công ích đô thị và quản lý chi phí dự toán dịch vụ công ích đô thị.

3. Đối với các chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị: chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để lập dự toán theo quy định.

4. Giao cho Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích đô thị tổ chức xác định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị. Dự toán chi phí các dịch vụ công ích đô thị phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện thực hiện, phù hợp với mặt bằng giá thị trường; phải được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

UBND các huyện, thị xã, thành phố được thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thực hiện việc lập, thẩm tra hồ sơ dự toán chi phí phục vụ công tác thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị.

5. Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 15/02/2018, nhưng chưa ký hợp đồng thì phải điều chỉnh dự toán theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Các nội dung khác về quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị không nêu trong Quyết định này, thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra và định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh quyết định bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm đảm bảo cho công tác quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn theo đúng quy định; Phê duyệt quyết toán thực hiện dịch vụ công ích đô thị theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ công ích đô thị theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, và các văn bản pháp luật có liên quan về đấu thầu.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn do mình quản lý định kỳ 06 tháng, hằng năm gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/10/2018.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Quy định tỉ lệ chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bãi bỏ Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị